# VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## THÔNG TƯ[1]
## Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Thông tư sau:

- Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (sau đây gọi là Thông tư số 38/2014/TT-BTC).

- Thông tư số 76/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương, Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Thông tư số 138/2007/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2020 (sau đây gọi là Thông tư số 76/2020/TT-BTC).

- Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá, có hiệu lực thi hành kể từ 03 tháng 9 năm 2021 (sau đây gọi là Thông tư số 60/2021/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Thông tư trên.

1. Thông tư số 76/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương, Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Thông tư số 138/2007/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2020.

2. Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.*[2]

---

[2] - Thông tư số 76/2020/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước;*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý hành nghề thẩm định giá đối với doanh nghiệp thẩm định giá, cơ sở dữ liệu về thẩm định giá, hoạt động thẩm định giá của cơ quan Nhà nước và chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá.

---

*Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá, Vụ trưởng Vụ Đầu tư;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương, Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Thông tư số 138/2007/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La."*

- Thông tư số 60/2021/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá."*

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với thẩm định viên về giá; doanh nghiệp thẩm định giá; cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ thẩm định giá; cơ quan, tổ chức cử người và cá nhân được cơ quan, tổ chức đó cử tham gia Hội đồng thẩm định giá; cơ quan, tổ chức, cá nhân có tài sản thẩm định giá hoặc có yêu cầu, đề nghị thẩm định giá; tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá; cơ quan quản lý Nhà nước về thẩm định giá và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thẩm định giá.

## Chương II
## QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 3. Đăng ký hành nghề thẩm định giá đối với thẩm định viên về giá**

1. Thẩm định viên về giá không được thực hiện đăng ký hành nghề thẩm định giá trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên.

*2.[3] Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá cho thẩm định viên về giá theo quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá (sau đây gọi là Nghị định số 89/2013/NĐ-CP) và tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 12/2021/NĐ-CP) gồm:*

*a) Giấy đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;*

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*b) Bản sao Thẻ Thẩm định viên về giá hoặc Giấy xác nhận đã cấp Thẻ Thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp;*

*c) Bản sao chứng thực hoặc sao y bản chính văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp thẩm định giá liền kề trước thời điểm đăng ký hành nghề;*

*d) Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá cho Thẩm định viên về giá hành nghề theo quy định của Bộ Tài chính;*

*đ) Bản sao chứng thực Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp có thời gian phù hợp với thời hạn lao động tại hợp đồng lao động đối với trường hợp Thẩm định viên về giá là người nước ngoài;*

*e) Bản sao chứng thực hoặc sao y bản chính Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng lao động (nếu có) tại doanh nghiệp thẩm định giá của thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề, ghi rõ thời gian làm việc và công việc phải làm phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề thẩm định giá;*

*g) Danh sách ít nhất 10 bộ Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá trong năm liền trước của Thẩm định viên về giá hành nghề đã ký, trừ các trường hợp sau: Thẩm định viên về giá hành nghề dưới 06 (sáu) tháng trong năm liền trước; Thẩm định viên về giá đã được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá năm hiện tại; Thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá và có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp trong năm liền trước.*

*Nội dung kê khai 10 bộ Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá bao gồm: Số, ngày tháng năm phát hành Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá; khách hàng thẩm định giá; doanh nghiệp thẩm định giá và có xác nhận của (các) doanh nghiệp thẩm định giá phát hành.*

3. Thẩm định viên về giá phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền bằng văn bản có trách nhiệm xem xét, rà soát hồ sơ bảo đảm các Thẩm định viên về giá đủ điều kiện đăng ký hành nghề tại tổ chức mình và ký xác nhận trên Giấy đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp của từng Thẩm định viên về giá. Không xác nhận đối với trường hợp Thẩm định viên về giá không được hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

*4.[4] Trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá đăng ký bổ sung Thẩm định viên về giá thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và gửi kèm văn bản đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đề nghị đăng ký bổ sung danh sách Thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp. Trường hợp đăng ký giảm Thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá gửi văn bản đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đề nghị đăng ký giảm Thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp kèm bản sao chứng thực hoặc sao y bản chính văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc chấm dứt đăng ký hành nghề (đối với trường hợp Thẩm định viên về giá vẫn tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp) của doanh nghiệp đối với Thẩm định viên về giá đăng ký giảm. Trường hợp đăng ký điều chuyển Thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá gửi văn bản đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đề nghị đăng ký điều chuyển Thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp kèm theo hồ sơ điều chuyển.*

*5.[5] Bộ Tài chính ban hành Thông báo công bố Danh sách Thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá định kỳ chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng hàng tháng đối với các doanh nghiệp thẩm định giá đã nộp đủ hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá cho Thẩm định*

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*viên về giá tại doanh nghiệp trước ngày 20 hàng tháng (theo dấu công văn đến), riêng tháng 12 là trước ngày 10 của tháng (theo dấu công văn đến). Thẩm định viên về giá chỉ được phép hành nghề thẩm định giá sau khi có Thông báo của Bộ Tài chính.*

**Điều 4. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

*1.[6] Hồ sơ đề nghị cấp hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bao gồm các tài liệu quy định tại Điều 14 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 12/2021/NĐ-CP. Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này.*

*Trường hợp đăng ký kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định tại Điều 41 Luật Giá, doanh nghiệp thẩm định giá gửi kèm bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và văn bản ủy quyền của doanh nghiệp thẩm định giá cho chi nhánh. Văn bản ủy quyền cần nêu rõ chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện một phần hay thực hiện toàn bộ công việc thẩm định giá. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện một phần công việc thẩm định giá không được phát hành chứng thư thẩm định giá. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện toàn bộ công việc thẩm định giá được phát hành chứng thư thẩm định giá.*

2. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

3. Doanh nghiệp lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).

Trường hợp cần làm rõ các thông tin trong hồ sơ, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) có quyền yêu cầu thẩm định viên về giá hoặc doanh nghiệp giải trình hoặc

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

cung cấp tài liệu phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu, xác minh quá trình làm việc và các thông tin khác trong hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) xem xét để cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo thời hạn quy định tại Điều 15 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP. Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư này.

Trường hợp doanh nghiệp không bổ sung tài liệu giải trình hoặc tài liệu giải trình không chứng minh đầy đủ các thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề là xác thực, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) có quyền từ chối cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Trường hợp từ chối, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 5. Quản lý đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

1. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp thẩm định giá phải duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá vào các mục đích khác mà pháp luật cấm hoặc không quy định; chịu sự kiểm tra, thanh tra và chấp hành quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đảm bảo điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và việc sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

*2.[7] Doanh nghiệp thẩm định giá phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính khi có những thay đổi quy định tại Điều 17 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 12/2021/NĐ-CP.*

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*3.[8] Doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện đăng ký danh sách thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp cho năm liền sau theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này và phải gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) trước ngày 20 tháng 12 (theo dấu công văn đến). Căn cứ hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp thẩm định giá, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) rà soát và ban hành Thông báo công bố Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm liền sau theo quy định.*

4. Bộ Tài chính công khai trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính:

a) Danh sách các doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá;

b) Danh sách các doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hoặc bị cảnh báo về điều kiện kinh doanh trong thời gian doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không đảm bảo điều kiện hành nghề thẩm định giá theo quy định;

c) Danh sách các doanh nghiệp thẩm định giá tạm ngừng kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, chấm dứt kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho Cục trưởng Cục Quản lý giá thực hiện việc tiếp nhận, rà soát, kiểm tra, thông báo danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, danh sách thẩm định viên về giá hành nghề và tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

**Điều 6. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp**

1. Doanh nghiệp thẩm định giá phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp để tạo nguồn chi trả

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

bồi thường thiệt hại (nếu có) do doanh nghiệp thẩm định giá gây ra cho người sử dụng kết quả thẩm định giá. Người sử dụng kết quả thẩm định giá là khách hàng thẩm định giá hoặc là bên thứ ba có liên quan do khách hàng thẩm định giá xác định và được doanh nghiệp thẩm định giá thống nhất ghi trong hợp đồng thẩm định giá.

*2.[9] Doanh nghiệp thẩm định giá được mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.*

*Chi phí mua bảo hiểm được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.*

*3.[10] Trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp*

*a) Trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá thì phải trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp với mức trích hàng năm là 1% trên doanh thu dịch vụ thẩm định giá (doanh thu không có thuế giá trị gia tăng), được hạch toán như trường hợp trích lập dự phòng phải trả. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành quy chế nội bộ quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.*

*b) Khi quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp có số dư cuối năm tài chính tương đương 10% doanh thu dịch vụ thẩm định giá trong năm tài chính thì không tiếp tục trích quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp nữa. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thẩm định giá thì số dư quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết được hạch toán vào thu nhập khác.*

4. Bồi thường thiệt hại

a) Khi phải bồi thường thiệt hại do doanh nghiệp thẩm định giá gây ra cho người sử dụng kết quả thẩm định giá thì doanh nghiệp thẩm định giá được tổ chức kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

hoạt động ở Việt Nam bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm đã cam kết. Trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá không mua bảo hiểm, doanh nghiệp sử dụng quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp để bồi thường thiệt hại.

b) Trường hợp số tiền phải chi trả bồi thường lớn hơn số tiền được bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm hoặc lớn hơn quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp của doanh nghiệp thì phần thiếu sẽ được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Lưu trữ và khai thác hồ sơ thẩm định giá**

1. Hồ sơ thẩm định giá phải đưa vào lưu trữ bằng giấy và dữ liệu điện tử kể từ ngày phát hành Chứng thư thẩm định giá.

a) Đối với lưu trữ bằng giấy:

Doanh nghiệp thẩm định giá phải lưu trong hồ sơ thẩm định giá, bao gồm: hợp đồng thẩm định giá và biên bản thanh lý hợp đồng thẩm định giá (nếu có), văn bản đề nghị thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá, toàn bộ tài liệu và thông tin cần thiết để hình thành kết quả thẩm định giá, các tài liệu khác theo quy định tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam và quy định của pháp luật.

Hồ sơ thẩm định giá đưa vào lưu trữ bằng giấy phải có hệ thống, được phân loại, sắp xếp thành từng bộ hồ sơ riêng theo thứ tự thời gian phát sinh và theo từng hợp đồng thẩm định giá hoặc văn bản yêu cầu, đề nghị thẩm định giá.

b) Đối với lưu trữ điện tử:

Hồ sơ thẩm định giá đưa vào lưu trữ điện tử phải có hệ thống và gồm các nội dung cơ bản tại báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá, các phụ lục và bảng tính kèm theo (nếu có).

*2.[11] Thời hạn lưu trữ tối thiểu là 10 (mười) năm đối với hồ sơ thẩm định giá kể từ ngày phát hành chứng thư thẩm định giá. Doanh nghiệp thẩm định giá phải có*

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*biện pháp để duy trì tính bảo mật, an toàn, toàn vẹn, có khả năng tiếp cận và phục hồi được của hồ sơ thẩm định giá trong thời hạn lưu trữ.*

3. Hồ sơ thẩm định giá được khai thác, sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của người có thẩm quyền của doanh nghiệp thẩm định giá trên cơ sở đảm bảo nghĩa vụ về tính bảo mật theo quy định tại Điều này.

b) Khi có yêu cầu kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tranh chấp trong hoạt động thẩm định giá; yêu cầu của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ thẩm định giá đã hết thời hạn lưu trữ, được tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

*5.[12] Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá phải chịu trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ, tiêu hủy hồ sơ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lưu trữ.*

***Điều 8. Chế độ báo cáo[13]***

*1. Đối với doanh nghiệp thẩm định giá*

*a) Báo cáo định kỳ: Định kỳ hàng năm, doanh nghiệp thẩm định giá báo cáo theo Mẫu Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm quy định tại Phụ lục số 07 kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm báo cáo.*

*b) Báo cáo đột xuất: Doanh nghiệp thẩm định giá báo cáo đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.*

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*2. Đối với tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá*

*a) Báo cáo định kỳ: Định kỳ hàng năm, tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá báo cáo theo Mẫu Báo cáo tình hình hoạt động và phương hướng hoạt động của tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá quy định tại Phụ lục số 08 kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm liền sau năm báo cáo.*

*b) Báo cáo đột xuất: Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá báo cáo đột xuất (nếu có) hoặc theo đề nghị bằng văn bản của Bộ Tài chính trong trường hợp kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính, tranh chấp trong lĩnh vực thẩm định giá.*

*3.[14] Các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) bằng một trong các phương thức sau:*

*- Gửi trực tiếp tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận;*

*- Gửi qua dịch vụ bưu chính;*

*- Gửi qua fax hoặc thư điện tử theo địa chỉ baocaotdg@mof.gov.vn (bản scan).*

*Doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.*

***Điều 9. Kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá[15]***

*Doanh nghiệp thẩm định giá xây dựng quy trình và thực hiện kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp theo quy định tại Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có).*

---

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần thứ 1 theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 76/2020/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2020.

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*Doanh nghiệp thẩm định giá được chủ động đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá tại doanh nghiệp sau thời gian ít nhất 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm công bố kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp liền trước đó.*

**Điều 10. Cơ sở dữ liệu thẩm định giá**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về giá ở trung ương (bao gồm Bộ Tài chính và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực) và ở địa phương (Sở Tài chính) có trách nhiệm:

a) Xây dựng, khai thác và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về thẩm định giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương và thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình; cung cấp thông tin (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân khác khi có nhu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Hàng năm, lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng, khai thác và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về thẩm định giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.

*2.[16] Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thẩm định giá phục vụ hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp và thực hiện việc kết nối cơ sở dữ liệu này với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.*

3. Nội dung cơ sở dữ liệu về thẩm định giá ở trung ương và địa phương, bao gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá và pháp luật liên quan;

b) Thông tin, tài liệu về giá tài sản được thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá;

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

c) Tình hình thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về thẩm định giá;

d) Các thông tin có liên quan khác.

4. Nguồn thông tin, tài liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về thẩm định giá bao gồm dữ liệu lịch sử, dữ liệu hiện có, cụ thể:

a) Thông tin, tài liệu về tài sản được thẩm định giá do doanh nghiệp thực hiện thẩm định giá hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá cung cấp;

b) Thông tin, tài liệu do cơ quan quản lý nhà nước về giá tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập và do các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp;

c) Thông tin, tài liệu mua từ các đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giá ở trung ương và ở địa phương, bổ sung thêm nguồn thông tin do các doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá; thông tin, tài liệu do các doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp theo quy định của pháp luật và các trường hợp cần thiết khác phục vụ yêu cầu quản lý của Nhà nước.

5. Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng, khai thác và vận hành trung tâm cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và thẩm định giá đảm bảo tính tương thích và kết nối được với các hệ thống cơ sở dữ liệu về giá và thẩm định giá của các Bộ, ngành, địa phương và các nguồn khác; hướng dẫn việc thu thập, cập nhật, cung cấp thông tin về giá và thẩm định giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm báo cáo, cập nhật thông tin vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thẩm định giá.

**Điều 11. Hoạt động thẩm định giá của cơ quan nhà nước**

Trình tự, thủ tục thẩm định giá của Nhà nước thực hiện theo Mục 4 Chương II Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và hướng dẫn sau:

1. Việc đăng công khai thông tin tài sản nhà nước cần thẩm định giá theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan có tài sản nhà nước cần thẩm định giá, hoặc của Bộ Tài chính, hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý giá, hoặc trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

2. Các Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tài sản nhà nước có giá trị lớn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP.

3. Tùy theo tài sản cần thẩm định giá và đảm bảo yêu cầu về tiến độ thẩm định giá, trình tự thẩm định giá quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP có thể rút gọn bước lập kế hoạch thẩm định giá.

4. Báo cáo kết quả thẩm định giá, văn bản trả lời kết quả thẩm định giá bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thông tin về tài sản thẩm định giá (tên tài sản, đặc điểm về mặt pháp lý và kỹ thuật);

b) Thời điểm thẩm định giá;

c) Mục đích thẩm định giá;

d) Căn cứ pháp lý để thẩm định giá;

đ) Nguyên tắc, cơ sở thẩm định giá;

e) Phương pháp thẩm định giá;

g) Kết quả thẩm định giá;

h) Những hạn chế của kết quả thẩm định giá và kiến nghị (nếu có).

5. Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định giá, Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá, Kết luận về kết quả thẩm định giá theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09, số 10 và số 11 kèm theo Thông tư này.

**Điều 12. Chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá của cơ quan nhà nước**

1. Chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá của cơ quan Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi và mức chi phục vụ cho việc thẩm định giá của cơ quan Nhà nước:

a) Chi công tác phí trong nước và nước ngoài (nếu có), chi tổ chức các cuộc hội nghị thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Chi làm việc ban đêm, làm thêm ngoài giờ có liên quan đến thẩm định giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Chi thuê tổ chức giám định thực hiện việc giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng của tài sản, thuê thẩm định giá tài sản (nếu có) theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng;

d) Chi mua thông tin, dịch tài liệu, mua văn phòng phẩm, chi xăng xe, thuê phương tiện phục vụ công tác thẩm định giá tài sản theo thực tế phát sinh của từng trường hợp cụ thể theo quy định hiện hành;

đ) Đối với những khoản chi liên quan đến hoạt động thẩm định giá không quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này, Thủ trưởng cơ quan thực hiện thẩm định giá xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Hàng năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá lập dự toán ngân sách phục vụ hoạt động thẩm định giá của cơ quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trong năm phát sinh các nhiệm vụ đột xuất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, được lập bổ sung dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

4. Việc chi thanh toán kinh phí phục vụ cho việc thẩm định giá của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

## Chương III
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[17]

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014. Bãi bỏ Thông tư số 17/2006/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá.

2. Quy định về chuyển tiếp thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

Bộ Tài chính giao Cục Quản lý giá có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân và Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện và hướng dẫn các doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện Thông tư này.

---

[17] - Điều 4 Thông tư số 76/2020/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2020 quy định như sau:

*"**Điều 4. Điều khoản thi hành***

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2020./."*

- Điều 2 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021 quy định như sau:

*"**Điều 2. Điều khoản thi hành***

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.*

*2. Bộ Tài chính giao Cục Quản lý giá có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban Nhân dân và Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện và hướng dẫn các doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện Thông tư này. Cục trưởng Cục Quản lý giá, doanh nghiệp thẩm định giá, Thẩm định viên về giá và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.*

*Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./."*

Cục trưởng Cục Quản lý giá, doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 02/VBHN-BTC

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022*
**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Tạ Anh Tuấn**

**Phụ lục số 01/TĐG**[18]

**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ**
**HÀNH NGHỀ THẨM ĐỊNH GIÁ TẠI DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ**
**HÀNH NGHỀ THẨM ĐỊNH GIÁ TẠI DOANH NGHIỆP**

Kính gửi:.....[1].....

| | |
|---|---|
| **Dán Ảnh 4 x 6 (giáp lai)** | 1. Họ và tên *(chữ in hoa)*:.....<br>2. Giới tính:.....<br>3. Ngày tháng năm sinh:...../...../.....<br>4. Quê quán (hoặc Quốc tịch):.....<br>5. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày...../...../..... tại.....<br>6. Nơi đăng ký hành nghề thẩm định giá hiện nay:.....<br>.....<br>7. Địa chỉ thường trú:..... |

8. Điện thoại:.....

9. Email:.....

10. Trình độ chuyên môn:

Tốt nghiệp Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:.....

Học vị:..... Năm:..... Học hàm:..... Năm:.....

Thẻ Thẩm định viên về giá: Số:..... ngày..... do Bộ Tài chính cấp.

---

[18] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục số 01/TĐG ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

11. Quá trình làm việc *(kê khai liên tục theo tháng kể từ ngày được cấp thẻ đến nay)*:

| **Thời gian từ... đến...** | **Công việc - chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
|---|---|---|
| ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... |

12. Chi tiết các giai đoạn hành nghề thẩm định giá

12a) Đối với Thẩm định viên là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá *(kê khai đủ 36 tháng hành nghề thẩm định giá theo Thông báo của Bộ Tài chính)*

| **Ngày bắt đầu hành nghề** | **Thông báo hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)** | **Ngày chấm dứt hành nghề** | **Thông báo chấm dứt hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)** | **Công việc - Chức vụ** | **Đơn vị công tác** | **Số tháng là Thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Năm..... | | | | | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Năm..... | | | | | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |

12b) Đối với Thẩm định viên không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá *(kê khai thời gian hành nghề thẩm định giá theo Thông báo của Bộ Tài chính trong năm hiện tại và năm liền trước)*

| **Ngày bắt đầu hành nghề** | **Thông báo hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)** | **Ngày chấm dứt hành nghề** | **Thông báo chấm dứt hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)** | **Công việc - Chức vụ** | **Đơn vị công tác** | **Số tháng là Thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Năm hiện tại | | | | | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Năm liền trước năm hiện tại | | | | | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |

12. Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính: số..... ngày.../.../....., nơi cấp.....

13. Văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động tại doanh nghiệp thẩm định giá liền kề trước thời điểm đăng ký hành nghề hiện tại: số..... ngày.../.../..... của.....

14. Hợp đồng lao động số..... ngày...../...../..... ký với doanh nghiệp thẩm định giá mà Thẩm định viên về giá đang đăng ký hành nghề và Phụ lục hợp đồng lao động (nếu có).

Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện và căn cứ tiêu chuẩn Thẩm định viên về giá, tôi xin đăng ký hành nghề thẩm định giá tại..... [2].....

Tôi gửi kèm theo bản sao chứng thực/bản sao các giấy tờ sau:

1. Thẻ Thẩm định viên về giá hoặc Giấy xác nhận đã cấp Thẻ Thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp;

2. Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá;

3. Văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động tại doanh nghiệp thẩm định giá liền kề trước thời điểm đăng ký hành nghề hiện tại;

4. Bản sao Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng lao động *(nếu có)* tại doanh nghiệp thẩm định giá mà Thẩm định viên về giá đang đăng ký hành nghề;

5. .....

6. Các tài liệu liên quan khác.

Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Giấy đăng ký này. Tôi xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật đối với Thẩm định viên về giá hành nghề.

Kính đề nghị..... [1]..... xem xét chấp thuận./.

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP**

Xác nhận..... [3].....
đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá theo quy định của pháp luật và
chấp nhận cho hành nghề tại doanh nghiệp
*(Chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)*

*....., ngày... tháng... năm.....*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**
*(Chữ ký, họ tên)*

[1] Tên doanh nghiệp thẩm định giá đăng ký hành nghề

[2] Tên doanh nghiệp thẩm định giá hoặc chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đăng ký hành nghề

[3] Tên thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp

**Phụ lục số 02/TĐG**[19]

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**1. Trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

**Phần 1. Thông tin về doanh nghiệp**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: *(ghi bằng chữ in hoa)*.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:.....

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Website *(nếu có)*:..... E-mail:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) số..... do..... cấp ngày.../.../..... tại....., thay đổi lần thứ..... ngày.../.../.....

Ngành nghề kinh doanh thẩm định giá: Có □ *Mã ngành:*.....

Không □

[19] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục số 02/TĐG ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

4. Vốn điều lệ: .....

5. Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Quê quán (hoặc Quốc tịch): ..... Sinh ngày:...../...../.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày:.../.../... tại.....

Điện thoại: ..... E-mail:.....

Chức vụ: ..... tại:.....

Thẻ Thẩm định viên về giá số:..... ngày.../.../... do Bộ Tài chính cấp.

**Phần 2. Thông tin về chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá** *(nếu có)*

1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1:

- Tên chi nhánh:.....
- Trụ sở chi nhánh:.....

  Địa chỉ giao dịch: .....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số..... do..... cấp ngày...../...../..... tại.....; thay đổi lần thứ..... ngày...../...../.....

Ngành nghề kinh doanh thẩm định giá: Có □ *Mã ngành:*.....

Không □

- Được doanh nghiệp thẩm định giá ủy quyền thực hiện công việc thẩm định giá

Một phần □ Toàn bộ □

- Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Quê quán (hoặc Quốc tịch): ..... Sinh ngày:...../...../.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày:.../.../... tại.....

Điện thoại: ..... E-mail:.....

Chức vụ: ..... tại:.....

Thẻ Thẩm định viên về giá số:..... ngày.../.../... do Bộ Tài chính cấp.

2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2: *(cung cấp thông tin như Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1)*

**Phần 3. Thông tin về Thẩm định viên đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá** *(nếu có)*

Loại hình doanh nghiệp.....

| TT | Họ tên | Năm sinh | Quê quán *(Quốc tịch)*[1] | Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu | Chức vụ | Tư cách thành viên tại doanh nghiệp[2] | Thẻ Thẩm định viên về giá | | Cập nhật kiến thức về thẩm định giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | *Số* | *Ngày cấp* | |
| *Trụ sở chính* | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| *Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1* | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| *Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá...* | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |

**Phần 4. Thông tin về vốn góp của thành viên là tổ chức** *(đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần)*

Tổng số vốn góp của các thành viên là tổ chức: .....

Tổng tỷ lệ sở hữu:.....

Cụ thể mức vốn góp của các thành viên là tổ chức:

(1.1). Tên tổ chức thứ nhất: *(ghi bằng chữ in hoa)*

.....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Quyết định thành lập (hoặc đăng ký kinh doanh) số..... ngày.../.../.....
- Người đại diện phần vốn góp:

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Quê quán (hoặc Quốc tịch): ..... Sinh ngày:...../...../.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày:.../.../... tại .....

Điện thoại: ..... E-mail:.....

Chức vụ: ..... tại:.....

Thẻ Thẩm định viên về giá số:..... ngày.../.../... do Bộ Tài chính cấp.

Số vốn góp theo đăng ký:..... Thời hạn góp vốn: .....

Giá trị vốn đã thực góp tính đến thời điểm hiện tại: .....

Tỷ lệ sở hữu vốn tại doanh nghiệp:.....

(2.2). Tổ chức thứ hai: *(kê khai như tổ chức thứ nhất)*.....

**Phần 5. Nội dung đề nghị và hồ sơ kèm theo**

1. .....[3]..... đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho doanh nghiệp.

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

**Phần 6. Doanh nghiệp cam kết**

.....[3]..... xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá,.....[3]..... sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

*....., ngày... tháng... năm.....*

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP**
*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)*

[1] Người Việt Nam ghi quê quán (tỉnh, thành phố); người nước ngoài ghi quốc tịch

[2] Thẩm định viên là chủ sở hữu, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, chủ doanh nghiệp hay cổ đông sáng lập, người đại diện của thành viên là tổ chức tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 39 Luật Giá

[3] Tên doanh nghiệp thẩm định giá

**2. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: *(ghi bằng chữ in hoa)*.....

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:.....

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*:.....

Loại hình doanh nghiệp:.....

Người đại diện theo pháp luật: ..... *(Họ tên, chức vụ)*.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại..... thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng..... năm.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số..... do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm..... tại..... cấp lại lần thứ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho.....[1]..... thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

2. Lý do đề nghị cấp lại:

.....

.....

Nội dung trước khi cấp lại:

.....

.....

Nội dung thay đổi sau khi cấp lại:

.....

.....

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

.....

4. Doanh nghiệp cam kết:

.....[1]..... xin cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

4.2. Nếu được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá,.....[1]..... sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

*....., ngày... tháng... năm.....*

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)*

[1] Tên doanh nghiệp thẩm định giá

**Phụ lục số 03/TGĐ**[20]

**MẪU VĂN BẢN RÀ SOÁT, ĐĂNG KÝ DANH SÁCH THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ HÀNH NGHỀ TẠI DOANH NGHIỆP NĂM...**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**
**Mã số:...../TĐG**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

**DANH SÁCH THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ TẠI DOANH NGHIỆP KỂ TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM.....**

Loại hình doanh nghiệp:.....[1].....

| TT | Họ tên | Năm sinh | Quê quán *(Quốc tịch)*[2] | Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu | Chức vụ, thời gian bổ nhiệm | Tư cách thành viên tại doanh nghiệp[3] | Thẻ Thẩm định viên về giá | | Thời gian đăng ký hành nghề từ 16/12 năm liền trước đến 15/12 năm hiện tại | | Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá[4] | Hợp đồng lao động | Tình trạng đăng ký hành nghề[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | *Số* | *Ngày cấp* | *Dưới 06 tháng* | *Từ 06 tháng trở lên* | | | |
| ***Trụ sở chính*** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | |
| ***Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá...*** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | |

[20] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục số 03/TĐG ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*** Hồ sơ kèm theo gồm có:**

- Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá cho Thẩm định viên về giá hành nghề theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp Thẩm định viên về giá mới được cấp Thẻ Thẩm định viên về giá trong năm trước liền kề.

- Danh sách ít nhất 10 bộ Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá trong năm liền kề trước của Thẩm định viên về giá đã hành nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này. Nội dung kê khai 10 bộ Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá bao gồm: Số, ngày tháng năm Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá; khách hàng thẩm định giá; doanh nghiệp thẩm định giá và có xác nhận của (các) doanh nghiệp thẩm định giá phát hành.

- Hồ sơ đăng ký bổ sung/giảm/điều chuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này (nếu có phát sinh).

- Các tài liệu liên quan khác...

*** Doanh nghiệp cam kết:**

.....[6]..... xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Danh sách này.

2. .....[6]..... cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần theo quy định tại Điều 39 Luật Giá.

[2] Người Việt Nam ghi quê quán (tỉnh, thành phố); người nước ngoài ghi quốc tịch.

[3] Thẩm định viên là chủ sở hữu, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, chủ doanh nghiệp hay cổ đông sáng lập, người đại diện của thành viên là tổ chức tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 39 Luật Giá.

[4] Ghi rõ số Giấy chứng nhận, thời gian khóa học và đơn vị tổ chức.

[5] Đăng ký tiếp tục/Điều chuyển nội bộ/Đăng ký mới.

[6] Tên doanh nghiệp thẩm định giá.

**Phụ lục số 04/TĐG**[21]

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

**Mã số:.....**

*Cấp lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....*
*Cấp lại lần thứ....., ngày..... tháng..... năm.....*

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

---

[21] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục số 04/TĐG ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

Xét hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của.....[1].....

**CHỨNG NHẬN:**

1. Tên doanh nghiệp:.....[1].....

2. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:.....

3. Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*:.....

4. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

5. Số điện thoại:..... Fax:.....

Email:.....

6. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Giới tính:.....

Sinh ngày:...../...../.....

Chức vụ:.....

Loại giấy chứng nhận (CMND/CCCD/Hộ chiếu): Số..... ngày cấp:.../..../... nơi cấp.....

Thẻ Thẩm định viên về giá số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.../.../.....

7. Các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1:.....[2].....

Trụ sở chi nhánh:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Số điện thoại:..... Fax:.....

Email:.....

Được thực hiện *<toàn bộ hoạt động thẩm định giá>/<một phần hoạt động thẩm định giá, không được phát hành Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá>;*

Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên:.....

Giới tính:.....

Sinh ngày:...../...../.....

Chức vụ:.....

Loại giấy chứng nhận *(CMND/CCCD/Hộ chiếu)*: Số..... ngày cấp:.../..../... nơi cấp.....

Thẻ Thẩm định viên về giá số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.../.../.....

b) Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2:.....

.....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

Theo quy định tại Luật Giá ngày 20/06/2012, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá và Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản gốc; 01 bản cấp cho.....[1].....; 01 bản lưu tại Bộ Tài chính.

*Ngày... tháng... năm.....*
**TL. BỘ TRƯỞNG**
**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁ**
*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Tên doanh nghiệp thẩm định giá

[2] Tên chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá

**Bìa 1**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

# GIẤY CHỨNG NHẬN

# ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

**Bìa 3**

## NHỮNG QUY ĐỊNH

Doanh nghiệp thẩm định giá được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải:

1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong suốt thời gian hoạt động.

2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá vào các mục đích khác mà pháp luật không quy định.

4. Thông báo với Bộ Tài chính và làm thủ tục cấp lại theo quy định nếu có thay đổi nội dung ghi trong Giấy này.

5. Trình báo ngay cho cơ quan Công an và thông báo cho Bộ Tài chính trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, đồng thời làm hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định.

6. Nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho Bộ Tài chính khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hoặc khi có quyết định thu hồi./.

**Phụ lục số 05/TĐG**[22]

**MẪU QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../QĐ-BTC | *Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

---

[22] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục số 05/TĐG ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*Căn cứ.....;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với.....[1]..... - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số...../TĐG - trong thời gian.....[2]..... tháng kể từ ngày...../...../.....

**Điều 2.** Trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá,.....[1]..... phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý giá,.....[1]..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- .....;
- Website Bộ Tài chính (để đăng tin);
- Website Cục Quản lý giá (để đăng tin);
- Lưu: VT, QLG.

**TL. BỘ TRƯỞNG**
**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁ**
*(Chữ ký, dấu)*

[1] Tên doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

[2] Thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

**Phụ lục 06/TĐG**[23]

**MẪU QUYẾT ĐỊNH THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../QĐ-BTC | *Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP*

[23] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục số 06/TĐG ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

*ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ.....;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số...../TĐG đối với.....[1]..... kể từ ngày...../...../.....

**Điều 2.**.....[1]..... phải nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) chậm nhất trong thời hạn 03 ngày, chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý giá,.....[1]..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
-.....;
- Website Bộ Tài chính (để đăng tin);
- Website Cục Quản lý giá (để đăng tin);
- Lưu: VT, QLG.

**TL. BỘ TRƯỞNG**
**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁ**
*(Chữ ký, dấu)*

[1] Tên doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

**Phụ lục số 07/TĐG**[24]

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH GIÁ CẢ NĂM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| **TÊN DOANH NGHIỆP**<br>**Mã số:...[1].../TĐG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:..... | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm...[2]...**

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Công ty.....[3]..... báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm.....[2]..... như sau[4]:

**1. Tình hình chung về doanh nghiệp**

- Tên của doanh nghiệp thẩm định giá;

- Loại hình doanh nghiệp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ giao dịch, email và số điện thoại liên hệ.

- Mã số doanh nghiệp thẩm định giá theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp:...../TĐG, cấp lần đầu đầu ngày....., cấp lại lần thứ..... ngày.....;

- Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá, gồm: họ và tên, năm sinh, giới tính, quê quán, số CMND/CCCD/Hộ chiếu và ngày cấp, chức vụ, số thẻ thẩm định viên và ngày cấp;

- Tên gọi, người đứng đầu và địa chỉ của các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong nước và ngoài nước;

---

[24] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục số 07/TĐG ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

- Chi tiết mức vốn góp của các thành viên là tổ chức (nếu có) đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần trong năm và người đại diện phần vốn góp của tổ chức; bao gồm tất cả các thời điểm có điều chỉnh liên quan đến vốn góp trong kỳ báo cáo;

- Chi tiết mức vốn góp tại thời điểm báo cáo của các thẩm định viên về giá tại công ty; bao gồm tất cả các thời điểm có điều chỉnh liên quan đến vốn góp trong kỳ báo cáo.

- Trường hợp mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: báo cáo tên doanh nghiệp bảo hiểm và mức bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đã mua trong giai đoạn báo cáo.

- Trường hợp trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp: báo cáo mức trích lập trong giai đoạn báo cáo và số dư quỹ vào cuối giai đoạn báo cáo.

- Báo cáo về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát chất lượng nội bộ đối với hoạt động thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính;

- Các tổ chức và hiệp hội thẩm định giá quốc tế và trong nước mà doanh nghiệp thẩm định giá là thành viên, thời điểm là thành viên.

**2. Cơ cấu nhân sự và danh sách thẩm định viên**

***2.1. Cơ cấu nhân sự***

| **CHỈ TIÊU** | **Số lượng** | | **Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá cho Thẩm định viên về giá hành nghề theo quy định** (Có/Không) | |
|---|---|---|---|---|
| | *Trong kỳ báo cáo* | *Cùng kỳ năm trước* | *Trong kỳ báo cáo* | *Cùng kỳ năm trước* |
| **1. Tổng số Thẩm định viên về giá hành nghề** | **.....** | **.....** | **.....** | **.....** |
| *1.1. Tại doanh nghiệp* | ..... | ..... | ..... | ..... |
| *1.2. Tại Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1* | ..... | ..... | ..... | ..... |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *1.3. Tại Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2* | ..... | ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| **2. Tổng số nhân viên khác** | | | | |

***2.2. Danh sách Thẩm định viên tại thời điểm cuối kỳ báo cáo***

| TT | Họ tên Thẩm định viên | Năm sinh | Giới tính | Quê quán | Chức vụ | Số thẻ | Ngày cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Năm...** | | | | | | |
| ***Công ty thẩm định giá...*** | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| ***Chi nhánh Công ty Thẩm định giá... (ủy quyền toàn phần hay ủy quyền một phần)*** | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |

**3. Hoạt động thẩm định giá trong kỳ báo cáo**

***3.1. Việc chấp hành pháp luật thẩm định giá***

Báo cáo chi tiết thực trạng, khó khăn vướng mắc cụ thể đối với các nội dung sau:

- Về điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

- Về ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng thẩm định giá;

- Về quản lý thẩm định viên về giá hành nghề:

+ Tổng số thẩm định viên đăng ký hành nghề trong kỳ báo cáo;

+ Tổng số thẩm định viên mới bổ sung trong kỳ (nếu có, họ và tên, số thẻ thẩm định viên);

+ Tổng số thẩm định viên đã xóa tên trong kỳ (nếu có, họ và tên, số thẻ thẩm định viên);

- Về thực hiện Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

- Về chấp hành các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

***3.2. Giá dịch vụ thẩm định giá và việc cung cấp thông tin về mức giá***

***3.3. Chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá***

Nguồn báo cáo: Báo cáo kết quả kinh doanh đã được kiểm toán hoặc Báo cáo kết quả kinh doanh nộp cho cơ quan thuế cùng kỳ.

*3.3.1. Chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá theo loại hình dịch vụ[4]:*

| **CHỈ TIÊU** | **Số lượng chứng thư thẩm định giá phát hành** | | **Tổng giá trị tài sản thẩm định giá** *(theo chứng thư)* | | **Doanh thu thuần** (Doanh thu thực nhận theo hợp đồng, Đvt: triệu đồng) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Trong kỳ báo cáo | Cùng kỳ năm trước | Trong kỳ báo cáo | Cùng kỳ năm trước | Trong kỳ báo cáo | Cùng kỳ năm trước |
| **Tổng số** | | | | | | |
| Trong đó: | | | | | | |
| ***(1) Sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước*** | | | | | | |
| 1.1. Bất động sản | | | | | | |
| 1.2. Động sản | | | | | | |
| 1.3. Giá trị doanh nghiệp | | | | | | |
| 1.4. Khác | | | | | | |
| ***(2) Sử dụng nguồn vốn khác*** | | | | | | |
| 1.1. Bất động sản | | | | | | |
| 1.2. Động sản | | | | | | |
| 1.3. Giá trị doanh nghiệp | | | | | | |
| 1.4. Khác | | | | | | |

*3.3.2. Kết quả hoạt động thẩm định giá*[4]

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Trong kỳ báo cáo | Cùng kỳ năm trước *(hạch toán chính xác)* |
|---|---|---|
| 1. Tổng doanh thu hoạt động thẩm định giá | | |
| 2. Tổng chi phí hoạt động thẩm định giá | | |
| 3. Lợi nhuận ròng của hoạt động thẩm định giá | | |

***3.4. Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị***

.....

.....

**4. Phương hướng hoạt động thẩm định giá năm tiếp theo**

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung báo cáo trên đây.

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP**
*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)*

---

[1] Mã số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp

[2] Ghi rõ kỳ báo cáo: ví dụ năm 2021

[3] Tên doanh nghiệp thẩm định giá

[4] Số liệu báo cáo là số tổng hợp của toàn bộ doanh nghiệp thẩm định giá, bao gồm tất cả các chi nhánh thẩm định giá của doanh nghiệp

**Phụ lục số 08/TĐG**[25]

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC NGHỀ NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC NGHỀ NGHIỆP VỀ THẨM ĐỊNH GIÁ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:..... | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình hoạt động năm...[1]...**

**phương hướng hoạt động năm...[2]...**

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

.....[3]..... báo cáo tình hình hoạt động năm.....[1]..... như sau:

**1. Tình hình hoạt động năm.....[1].....**

***1.1. Đánh giá tình hình chung (thuận lợi, khó khăn)***

***1.2. Cơ cấu tổ chức của.....[3].....***

***1.3. Công tác xây dựng và phát triển.....[3].....***

- Tình hình phát triển hội viên: Hội viên cá nhân, Hội viên tổ chức.

- Hoạt động của các Hội viên trong kỳ báo cáo:

Kết quả theo dõi, giám sát, kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá và tình hình chấp hành quy định pháp luật về thẩm định giá của hội viên.

Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá và việc chấp hành các quy định của Nhà nước về thẩm định giá đối với thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá là hội viên.

---

[25] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục số 08/TĐG ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

***1.4. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về thẩm định giá***

| | **Số khóa đã tổ chức trong kỳ** | **Số lượng học viên được cấp Chứng chỉ/Giấy chứng nhận** | **Ghi chú** |
|---|---|---|---|
| Đào tạo nghiệm vụ thẩm định giá | | | |
| Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá | | | |
| Đào tạo, bồi dưỡng khác | | | |

***1.5. Công tác tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật***

***1.6. Công tác tuyên truyền***

- Công tác tuyên truyền cơ chế chính sách và điều hành quản lý giá và thẩm định giá.

- Công tác tuyên truyền đối với hoạt động của tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá và hội viên.

***1.7. Công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thẩm định giá***

***1.8. Công tác hợp tác quốc tế***

***1.9. Công tác khác (nếu có)***

**2. Phương hướng hoạt động năm tiếp theo**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC**
*(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)*

[1] Ghi rõ kỳ báo cáo: Ví dụ năm 2021

[2] Năm liền sau của kỳ báo cáo: ví dụ năm 2022

[3] Tên tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá

**Phụ lục số 09/TĐG**

**MẪU QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN<br>**TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../QĐ-..... | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Về việc thành lập Hội đồng Thẩm định giá**

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ..... số..... ngày..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ đề nghị/yêu cầu của.....;

Căn cứ vào các công văn cử cán bộ tham gia Hội đồng của các đơn vị (Công văn số..... ngày..... của Bộ..... và Công văn số.... ngày..... của.....);

Theo đề nghị của.....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định giá..... gồm các ông/bà có tên sau:

1. Ông/Bà....., Chức vụ hiện tại - Chủ tịch Hội đồng;

2. Ông/Bà....., Chức vụ hiện tại - Thành viên Thường trực Hội đồng;

3. Ông/Bà....., Chức vụ hiện tại - Thành viên Hội đồng;

.....

**Điều 2.** Hội đồng Thẩm định giá tài sản quy định tại Điều 1 có nhiệm vụ tiến hành thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật và được sử dụng con dấu của.....[1]..... để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Giúp việc cho Hội đồng Thẩm định giá có Tổ giúp việc gồm một số cán bộ, công chức của các Bộ, cơ quan liên quan do Hội đồng quyết định *(nếu cần)*.

Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội đồng thẩm định giá tài sản tại Điều 1 thực hiện thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Hội đồng thẩm định giá quy định tại Điều 1 và Tổ giúp việc *(nếu có)* chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định này; Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên trong Hội đồng thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá và pháp luật có liên quan khác.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.....[2]..... và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
-.....;
- Lưu: VT,.....

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**
**CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**
*(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)*

[1] Tên cơ quan ra quyết định

[2] Các đơn vị liên quan

**Phụ lục số 10/TĐG**

**MẪU BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN<br>**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../BB-HĐTĐG | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

**BIÊN BẢN HỌP**

**.....**

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ..... số..... ngày..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... v/v thành lập Hội đồng thẩm định giá;

Căn cứ ..... ,

Hội đồng thẩm định giá..... *(sau đây gọi là Hội đồng)* đã tiến hành họp bàn về....., cụ thể:

.....

.....

**I. THÀNH PHẦN DỰ HỌP**

1. Hội đồng Thẩm định giá có mặt gồm có các thành viên sau:

| TT | Họ và tên | Chức danh Hội đồng, Chức vụ & Đơn vị công tác |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| ... | | |

2. Thành viên vắng mặt tại cuộc họp:

| TT | Họ và tên | Chức danh Hội đồng, Chức vụ & Đơn vị công tác |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| ... | | |

3. Tham dự cuộc họp còn có các thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng Thẩm định giá *(nếu có)*.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

Ông/Bà... - Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp thẩm định giá tài sản.

**1. Báo cáo kết quả thẩm định giá của Hội đồng Thẩm định giá**

.....

**2. Ý kiến của thành viên Hội đồng Thẩm định giá**

.....

**III. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁ**

**1. Kết quả thẩm định giá**

.....

**2. Ý kiến của thành viên Hội đồng Thẩm định giá**

.....

Biên bản này đã được các thành viên trong Hội đồng biểu quyết thông qua vào hồi..... giờ..... ngày..../..../.... tại..... (địa chỉ:.....) và được lập thành..... bản (mỗi thành viên giữ 01 bản, 01 bản gửi đơn vị đề nghị/yêu cầu thẩm định giá và 02 bản lưu Hội đồng thẩm định giá) có giá trị pháp lý như nhau./.

| **THƯ KÝ HỘI ĐỒNG** | **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG** | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG** |
|---|---|---|
| **.....** | **.....** | **.....** |
| **THÀNH VIÊN** | **THÀNH VIÊN** | ..... *(họ tên, chữ ký của toàn bộ thành viên Hội đồng Thẩm định giá)* ..... |
| **.....** | **.....** | |

**Phụ lục số 11/TĐG**

**MẪU KẾT LUẬN VỀ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | |
|---|---|
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN<br>**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../BB-HĐTĐG | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

**KẾT LUẬN VỀ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Áp dụng đối với hoạt động thẩm định giá của cơ quan Nhà nước)*

Kính gửi:.....

Theo đề nghị/yêu cầu của..... tại Công văn số..... ngày..... về việc thẩm định giá.....; hoặc

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định giá số..... ngày..... của.....; *<đối với các trường hợp thành lập Hội đồng Thẩm định giá>*

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Thẩm định giá số..... ngày.....;

Căn cứ khác *(nếu có)*,

Hội đồng Thẩm định giá có văn bản trả lời kết quả thẩm định giá... như sau:

**1. Mục đích thẩm định giá**

Xác định giá tài sản phục vụ mục đích .....

**2. Thời điểm thẩm định giá**

Tại thời điểm *(ngày... tháng... năm...)*

**3. Nguyên tắc, cơ sở thẩm định giá** *(nêu rõ những căn cứ chủ yếu để thẩm định giá)*

Căn cứ hóa đơn, chứng từ, hồ sơ, giấy tờ pháp lý do..... cung cấp *(kèm theo Công văn đề nghị/yêu cầu số..... ngày.....)*;

Căn cứ kết quả khảo sát thông tin trong nước và quốc tế liên quan đến giá trị tài sản cùng loại;

Căn cứ pháp lý khác.

**4. Tài sản thẩm định giá**

a) Đặc điểm tài sản về mặt kỹ thuật .....

b) Đặc điểm tài sản về mặt pháp lý .....

**5. Phương pháp thẩm định giá**

**6. Kết quả thẩm định giá**

Trên cơ sở các tài liệu do..... cung cấp, qua khảo sát thực tế tại hiện trường *(nếu có)*; với phương pháp thẩm định giá..... được áp dụng trong tính toán, Hội đồng Thẩm định giá thông báo kết quả thẩm định giá tài sản..... tại thời điểm..... như sau:

Giá từng bộ phận của tài sản: .....

Giá toàn bộ của tài sản:.....

Làm tròn:.....

*(viết bằng chữ:..... đồng).*

**7. Những hạn chế của kết quả thẩm định giá** *(nếu có):*.....

.....[1]..... trả lời để.....[2]..... có cơ sở.....[3]..... theo quy định của pháp luật hiện hành.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT,.....

**Chủ tịch Hội đồng Thẩm định giá**
*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Tên đơn vị thẩm định giá

[2] Tên đơn vị đề nghị/yêu cầu thẩm định giá

[3] Mục đích thẩm định giá

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng